

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

-----\*\*\*-----



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **QUÝ I NĂM 2020**

**ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

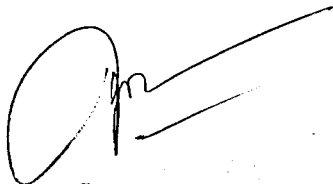
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

**DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ I NĂM 2020**


<i>STT</i>	<i>BIỂU SỐ</i>	<i>NỘI DUNG BIỂU</i>	<i>KỲ BÁO CÁO</i>	<i>TRANG</i>
1	B01-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ I NĂM 2020	1-2
2	B02-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ I NĂM 2020	3-3
3	B03-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ I NĂM 2020	4-4
4	B09-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ I NĂM 2020	5-20

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC



Wương Ngọc Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

**QUÝ I NĂM 2020**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/03/2020	NGÀY 01/01/2020
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>117.092.996.779</b>	<b>112.985.177.550</b>
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
<b>I - Tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>25.453.315.696</b>	<b>18.012.704.619</b>
1 - Tiền	111		24.053.315.696	18.012.704.619
2 - Các khoản tương đương tiền	112		1.400.000.000	-
<b>II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III - Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>56.189.195.503</b>	<b>47.435.284.146</b>
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	48.165.675.492	34.885.665.848
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		512.455.204	5.748.996.287
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	17.808.739.685	17.098.296.889
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137	V.5	(10.297.674.878)	(10.297.674.878)
<b>IV - Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>22.406.159.721</b>	<b>34.706.274.762</b>
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	22.406.159.721	34.706.274.762
2 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V - Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.044.325.859</b>	<b>12.830.914.023</b>
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	2.849.519.501	2.053.768.942
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.819.544.036	2.401.882.759
3 - Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	8.375.262.322	8.375.262.322
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>477.302.362.529</b>	<b>499.319.125.474</b>
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
<b>I - Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II - Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>451.285.413.356</b>	<b>472.254.781.761</b>
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	451.285.413.356	472.254.781.761
- Nguyên giá	222		1.475.019.127.438	1.474.659.127.438
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.023.733.714.082)	(1.002.404.345.677)
2 - Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		238.654.500	238.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(238.654.500)	(238.654.500)
<b>III - Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>405.473.229</b>	<b>413.979.660</b>
- Nguyên giá	231		6.636.446.595	6.636.446.595
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(6.230.973.366)	(6.222.466.935)
<b>IV - Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.7</b>	<b>763.686.291</b>	<b>763.686.291</b>
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		763.686.291	763.686.291
<b>V - Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.308.029.805</b>	<b>4.308.029.805</b>
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	5.998.468.525	5.998.468.525
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(1.690.438.720)	(1.690.438.720)
<b>V - Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.539.759.848</b>	<b>21.578.647.957</b>
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	20.539.759.848	21.578.647.957
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN ( 270 = 100 + 200 )</b>	<b>270</b>		<b>594.395.359.308</b>	<b>612.304.303.024</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

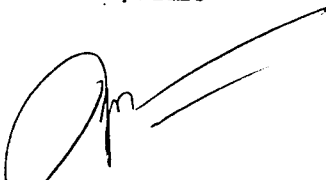
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/03/2020	NGÀY 01/01/2020
I	2	3	4	5
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ ( 300 = 310 + 330 )</b>	<b>300</b>		<b>546.949.783.893</b>	<b>549.232.307.900</b>
<b>I - Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>265.854.452.959</b>	<b>260.002.510.346</b>
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	49.611.879.068	56.414.358.799
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	76.816.530	39.508.724
4 - Phải trả người lao động	314		6.096.053.769	13.759.724.744
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.039.498.852	3.434.754.003
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	1.052.628.962	58.129.869
9 - Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	42.345.322.302	35.534.252.915
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	163.454.406.376	148.510.134.192
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.177.847.100	2.251.647.100
<b>II - Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>281.095.330.934</b>	<b>289.229.797.554</b>
7 - Phải trả dài hạn khác	337	V.18	77.427.745.934	75.695.237.554
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	203.667.585.000	213.534.560.000
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>47.445.575.415</b>	<b>63.071.995.124</b>
<b>I - Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>47.445.575.415</b>	<b>63.071.995.124</b>
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		82.932.721.854	82.932.721.854
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(235.487.146.439)	(219.860.726.730)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(219.860.726.730)	(249.133.828.468)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(15.626.419.709)	29.273.101.738
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN ( 440 = 300 + 400 )</b>	<b>440</b>		<b>594.395.359.308</b>	<b>612.304.303.024</b>


Lập ngày 15 tháng 04 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

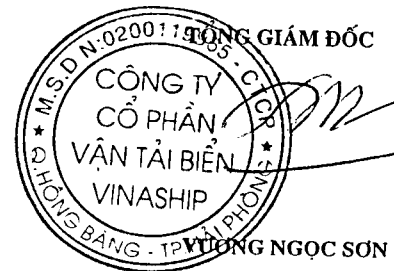


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

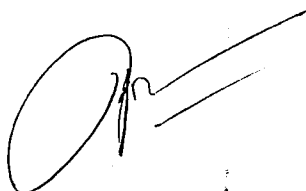
(Dạng đầy đủ)

**QUÝ I NĂM 2020**

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ I NĂM 2020	
			QUÝ I NĂM 2020	QUÝ I NĂM 2019
1	2	3	4	5
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	138.195.948.191	186.939.397.569
2- Các khoản giảm trừ	02		-	-
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01 - 02 )	10	VI.26	138.195.948.191	186.939.397.569
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	136.870.799.921	163.324.870.559
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ( 20 = 10 - 11 )	20		1.325.148.270	23.614.527.010
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	7.458.915	49.527.934
7 - Chi phí tài chính	22	VI.29	10.650.293.517	4.772.431.170
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		5.671.237.109	4.624.294.552
8 - Chi phí bán hàng	25	VI.32	1.564.601.903	3.383.154.848
9 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.32	4.667.132.448	5.997.800.561
10 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20 + ( 21 - 22 ) - ( 24 + 25 )	30		(15.549.420.683)	9.510.668.365
11 - Thu nhập khác	31	VI.30	695	25.894.169.406
12 - Chi phí khác	32	VI.31	76.999.721	70.087.920
13 - Lợi nhuận khác ( 40 = 31- 32 )	40		(76.999.026)	25.824.081.486
14 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ( 50= 30 + 40 )	50		(15.626.419.709)	35.334.749.851
15 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			-
16 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-
17 - Lợi nhuận sau thuế TNDN ( 60 = 50 - 51-52 )	60		(15.626.419.709)	35.334.749.851
18 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(781)	1.767
19 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(781)	1.767

Lập ngày 15 tháng 04 năm 2020

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



Vương Ngọc Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP.Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Mẫu số : B03 -DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

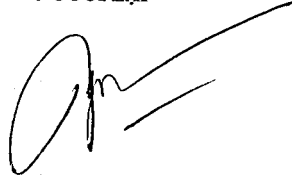
QUÝ I NĂM 2020

Đơn vị tính : đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I	
			NĂM 2020	NĂM 2019
1	2	3	4	5
<b>I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1 - Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		132.572.260.042	176.248.816.308
2 - Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(100.531.776.000)	(152.499.373.373)
3 - Tiền chi trả cho người lao động	03		(25.367.388.279)	(23.187.798.506)
4 - Tiền chi trả lãi vay	04		(942.009.864)	(664.424.656)
6 - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.850.156.793	2.394.094.829
7 - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.812.037.368)	(11.256.512.225)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>		<b>6.769.205.324</b>	<b>(8.965.197.623)</b>
<b>II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(360.000.000)	(1.050.453.636)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			26.862.363.637
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			-
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.716.831	11.083.361
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(354.283.169)</b>	<b>25.822.993.362</b>
<b>III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3 - Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII	2.020.000.000	2.050.000.000
4 - Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII	(1.120.000.000)	(26.000.000.000)
5 - Tiền chi trả nợ thuê tài chính				-
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>900.000.000</b>	<b>(23.950.000.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ ( 50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>7.314.922.155</b>	<b>(7.092.204.261)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>		<b>18.012.704.619</b>	<b>27.652.496.804</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		125.688.922	7.388.649
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ ( 70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>25.453.315.696</b>	<b>20.567.681.192</b>

Lập ngày 15 tháng 04 năm 2020

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



Trần Thị Thanh Hương

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

---

Mẫu số B09-DN

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY I NĂM 2020

#### I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### 1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần vốn Nhà nước 51%

- Đại diện phần vốn Nhà nước là Tổng công ty Hàng hải Việt nam

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ ,phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải phòng.

- Tại thời điểm 31/03/2020, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

+ Các xí nghiệp :

XN xếp dỡ vận tải và dịch vụ tại 280 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

XN Dịch vụ vận tải tại số 1, Hoàng Văn Thụ, TP Hải Phòng đã dừng hoạt động và đang hoàn thiện thủ tục giải thể.

- Tại thời điểm 31/03/2020, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là 506 người.

##### 2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

##### 3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, nâng cẩu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

##### 4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý I năm 2020 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính :

# **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, thị trường vận tải hàng khô quốc tế tiếp tục xấu đi. Sự bùng phát dịch bệnh viêm phổi cấp do virus Covid 19 khiến thị trường Trung Quốc suy giảm mạnh về đơn hàng, buộc các tàu dôn về khai thác ở khu vực Đông Nam á và nội địa tăng lên, chân hàng vận chuyển không có cải thiện. Đội tàu phần lớn là cao tuổi của Vinaship khó cạnh tranh được với những đội tàu trẻ hơn, thiếu nguồn hàng vận chuyển và giá cước tiếp tục giảm. Đồng thời kéo theo hệ lụy tắc nghẽn cầu bến xếp và dỡ hàng, thời gian chờ đợi cầu bến kéo dài. Kể từ giữa tháng 3/2020, một số quốc gia trong khu vực Đông Nam á như Philippines, Malaysia công bố tình trạng đại dịch khẩn cấp và thực hiện các biện pháp phong tỏa nhập, xuất cảnh cũng như tạm dừng các hoạt động sản xuất kinh doanh, đi lại, vận chuyển hàng hóa. Do đây là thị trường chính của Công ty nên diễn biến này đã ảnh hưởng trực tiếp và sâu sắc đến hoạt động của Công ty.

Thêm vào đó, mặc dù giá nhiên liệu hàng hải trên thị trường thế giới xuống khá thấp trong tháng 3, nhưng việc điều chỉnh giá nhiên liệu trong nước có độ trễ lớn, mức điều chỉnh giảm không đáng kể. Đội tàu công ty do thiếu chân hàng ngoại nên không thể tận dụng được cơ hội mua dầu giá thấp ở Singapore, Thailand, HongKong để tiết giảm chi phí.

Hơn nữa, kể từ giữa tháng 3/2020, tỷ giá đồng dollar Mỹ tăng mạnh, khiến công ty chịu ảnh hưởng nhiều về chênh lệch tỷ giá.

Các nguyên nhân trên dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 1/2020 kém hiệu quả, doanh thu thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm ngoái.

## **II – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :**

1- Kỳ kế toán năm : bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 của năm. Kỳ kế toán quý I năm 2020 bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến 31/03/2020.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

## **III – CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :**

1- Chế độ kế toán áp dụng : Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.

- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán nửa tập trung, nửa phân tán.

- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

## **IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :**

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

---

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

### 2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

### 3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

### 4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

---

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

### 5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

### 6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

### 7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan. Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

### 8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

### 9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

### 10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

---

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí , thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

#### **11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :**

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

#### **12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :**

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

**13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại :** theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

**14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-DN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :**

	<u>Ngày 31/03/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
<b>1- Tiền</b>		
- Tiền mặt	579.314.933	1.120.617.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.474.000.763	16.892.087.619
- Các khoản tương đương tiền	1.400.000.000	-
<b>Cộng</b>	<u><u>25.453.315.696</u></u>	<u><u>18.012.704.619</u></u>
<b>2- Các khoản đầu tư tài chính</b>		
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>		
<b>c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	5.998.468.525	5.998.468.525
- Đầu tư cổ phiếu	5.998.468.525	5.998.468.525
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 31/03/2020</i>		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải : 516.553 CP	4.185.040.000	4.185.040.000
Công ty CP vận tải biển Việt nam : 60.000 CP	1.276.000.000	1.276.000.000
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	537.018.920	537.018.920
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 9 CP	409.605	409.605
<b>Cộng</b>	<u><u>5.998.468.525</u></u>	<u><u>5.998.468.525</u></u>
<b>d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn</b>		
Công ty CP vận tải biển Việt nam : 60.000 CP	(1.177.000.000)	(1.177.000.000)
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	(513.438.720)	(513.438.720)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 9 CP	-	-
<b>Cộng</b>	<u><u>(1.690.438.720)</u></u>	<u><u>(1.690.438.720)</u></u>
<b>3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
- Cty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	4.019.008.208	5.731.682.434
- Cty TNHH Đầu tư và TM Quốc tế Gia Nguyễn	5.810.313.640	4.425.936.150
- Cty CP Vận tải biển Hoàn Sơn	11.455.563.320	-
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	26.880.790.324	24.728.047.264
<b>Cộng</b>	<u><u>48.165.675.492</u></u>	<u><u>34.885.665.848</u></u>
<b>4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
- Tạm ứng	4.393.870.987	4.050.372.615
- Ký cược, ký quỹ	-	-
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	2.243.146.252	834.844.398
- Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
-BH tai nạn	9.041.886	8.621.886
- Bảo hiểm xã hội	213.495.585	200.534.141
- Bảo hiểm y tế	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-DN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

- Bảo hiểm thất nghiệp	35.526.656	31.963.151
- Trung tâm phát triển quỹ đất quận Lê Chân	2.983.955.413	2.983.955.413
- Các khoản chi hộ	105.284.898	1.055.646.198
- Các khoản phải thu khác	481.930.434	589.871.513
+ Phải thu khác	481.930.434	589.871.513
<b>Cộng</b>	<b>17.808.739.685</b>	<b>17.098.296.889</b>
<b>5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>Ngày 31/03/2020</b>	<b>Ngày 01/01/2020</b>
- Liana Carrier Ltd	59.231.742	59.231.742
- Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- CN Bạch Đằng- Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Cty TNHH thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000
- Cty CP thương mại vận tải Thiên Thành	96.689.200	96.689.200
- Cty TNHH TMDV XNK Phan Thành Phát	49.672.750	49.672.750
- Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	773.453.800	773.453.800
- Nguyễn Văn Bình	259.350.000	259.350.000
- Cty TNHH thương mại vận tải Việt Dũng	347.846.800	347.846.800
<b>Cộng</b>	<b>10.297.674.878</b>	<b>10.297.674.878</b>
<b>6- Hàng tồn kho</b>	<b>Ngày 31/03/2020</b>	<b>Ngày 01/01/2020</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	21.143.696.157	33.848.150.422
- Chi phí dịch vụ dở dang	1.060.737.598	656.398.374
- Hàng hoá	201.725.966	201.725.966
<b>Cộng</b>	<b>22.406.159.721</b>	<b>34.706.274.762</b>
<b>7- Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>Ngày 31/03/2020</b>	<b>Ngày 01/01/2020</b>
+ XD bãi container Đình Vũ - HP	91.957.200	91.957.200
+ Chi phí XD lộ đất TM8 khu vực đường Hồ Sen	671.729.091	671.729.091
+ Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
<b>Cộng</b>	<b>763.686.291</b>	<b>763.686.291</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

**8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình Quý 1 năm 2020**

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PHIÊN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC TB	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
<b>I - NGUYÊN GIÁ TSCĐ</b>						
1. Số dư đầu kỳ		24.054.233.362	1.450.139.987.133	130.752.694	334.154.249	1.474.659.127.438
2. Số tăng trong kỳ		-	360.000.000	-	-	360.000.000
Trong đó :						
- Do mua sắm			360.000.000			360.000.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
3. Số giảm trong kỳ		-	-	-	-	-
Trong đó :						
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Chuyển sang CCDC theo TT45						-
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						-
4. Số cuối kỳ		24.054.233.362	1.450.499.987.133	130.752.694	334.154.249	1.475.019.127.438
Trong đó :						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.713.597.924	156.642.930.194	100.752.694	334.154.249	160.791.435.061
- Chờ thanh lý						
<b>II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ</b>						
1. Đầu kỳ		15.855.938.695	986.098.638.282	115.614.451	334.154.249	1.002.404.345.677
2. Tăng trong kỳ		249.155.898	21.079.141.078	1.071.429	-	21.329.368.405
- Khấu hao		249.155.898	21.079.141.078	1.071.429	-	21.329.368.405
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						-
3. Giảm trong kỳ		-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Chuyển sang CCDC theo TT45						-
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						-
4. Số cuối kỳ		16.105.094.593	1.007.177.779.360	116.685.880	334.154.249	1.023.733.714.082
<b>III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
1. Đầu kỳ		8.198.294.667	464.041.348.851	15.138.243	-	472.254.781.761
2. Cuối kỳ		7.949.138.769	443.322.207.773	14.066.814	-	451.285.413.356
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			440.169.737.520			440.169.737.520

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thu - Hồng bàng - Hải phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

**9- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình Quý I năm 2020**

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
<b>I - Nguyên giá</b>			
1. Số dư đầu kỳ	-	238.654.500	238.654.500
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
Trong đó :			
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
Trong đó :			
4. Số cuối kỳ	-	238.654.500	238.654.500
<b>II - Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1. Đầu kỳ	-	238.654.500	238.654.500
2. Tăng trong kỳ	-	-	-
Do trích khấu hao		-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối kỳ	-	238.654.500	238.654.500
<b>III - Giá trị còn lại</b>			
1. Đầu kỳ	-	-	-
2. Cuối kỳ	-	-	-

10- Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính Quý I năm 2020: Không có

**11 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư Quý I năm 2020**

CHỈ TIÊU \ NHÓM TS	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH. TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	TỔNG CỘNG
<b>I - Nguyên giá</b>			
1. Số dư đầu kỳ	6.508.156.449	128.290.146	6.636.446.595
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
- Do chuyển từ TSCĐ sang			
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	6.508.156.449	128.290.146	6.636.446.595
<b>II - Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1. Số dư đầu kỳ	6.094.176.789	128.290.146	6.222.466.935
2. Số tăng trong kỳ	8.506.431	-	8.506.431
- Do chuyển từ TSCĐ sang			
- Do trích khấu hao	8.506.431	-	8.506.431
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-		-
- Giảm khác	-		-
4. Số cuối kỳ	6.102.683.220	128.290.146	6.230.973.366
<b>III - Giá trị còn lại</b>			
1. Số dư đầu kỳ	413.979.660	-	413.979.660
4. Số dư cuối kỳ	405.473.229	-	405.473.229

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

	<u>Ngày 31/03/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
<b>12- Chi phí trả trước</b>		
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	2.849.364.301	2.053.613.742
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	155.200	155.200
<b>Cộng</b>	<u><u>2.849.519.501</u></u>	<u><u>2.053.768.942</u></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	20.539.759.848	21.578.647.957
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<u><u>20.539.759.848</u></u>	<u><u>21.578.647.957</u></u>
<b>14- Vay và nợ thuê tài chính</b>		
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>34.100.000.000</b>
Trong đó :		
+ Vay cá nhân	35.000.000.000	34.100.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>332.121.991.376</b>	<b>327.944.694.192</b>
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	128.454.406.376	114.410.134.192
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	40.561.000.000	32.955.000.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	68.961.381.547	67.648.109.363
+ Nợ dài hạn đến hạn trả DATC	18.932.024.829	13.807.024.829
- Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	203.667.585.000	213.534.560.000
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	49.149.450.000	56.755.450.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	150.393.135.000	147.529.110.000
+ Nợ dài hạn DATC	4.125.000.000	9.250.000.000
<b>Cộng</b>	<u><u>367.121.991.376</u></u>	<u><u>362.044.694.192</u></u>
<b>15- Phải trả người bán</b>		
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>		
KPI Bridge Oil Singapore Pte Ltd	-	8.481.089.570
Fratelli Cosulich Bunkers (HK) Ltd	3.951.405.750	3.998.678.600
Cty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	7.162.750.082	12.348.134.764
Phải trả các đối tượng khác	38.497.723.236	31.586.455.865
<b>Cộng</b>	<u><u>49.611.879.068</u></u>	<u><u>56.414.358.799</u></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

	<u>Ngày 31/03/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
<b>16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
<b>a) Phải nộp</b>		
- Thuế GTGT	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	76.816.530	39.508.724
<b>Cộng</b>	<u>76.816.530</u>	<u>39.508.724</u>
<b>b) Phải thu</b>		
- Thuế TNDN nộp thừa cho Nhà nước	8.374.144.917	8.374.144.917
- Thuế GTGT nộp thừa	1.117.405	1.117.405
<b>Cộng</b>	<u>8.375.262.322</u>	<u>8.375.262.322</u>
<b>17- Chi phí phải trả</b>	<u>Ngày 31/03/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí phải trả lãi vay	397.769.647	208.456.320
- Chi phí phải trả khác	641.729.205	3.226.297.683
	<u>1.039.498.852</u>	<u>3.434.754.003</u>
<b>18- Phải trả khác</b>	<u>Ngày 31/03/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
<b>Ngắn hạn</b>		
- Công đoàn phí	257.071.699	454.576.050
- Kinh phí công đoàn	1.079.041.794	756.186.623
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	86.174.313	89.469.762
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Bảo hiểm ốm đau thai sản	7.240.234	7.240.234
- Thuế TNCN	39.991.483	35.339.868
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.525.305.000	9.525.305.000
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	1.899.418.486	1.934.534.549
- Phải trả lãi vay các tổ chức tín dụng	25.604.206.333	22.094.059.356
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	846.872.960	637.541.473
<b>Cộng</b>	<u>42.345.322.302</u>	<u>35.534.252.915</u>
<b>Dài hạn</b>		
- Phải trả lãi vay NH TMCP	23.736.433.065	22.003.924.685
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý	53.691.312.869	53.691.312.869
<b>Cộng</b>	<u>77.427.745.934</u>	<u>75.695.237.554</u>
<b>19- Doanh thu chưa thực hiện</b>	<u>Ngày 31/03/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.052.628.962	58.129.869
<b>Cộng</b>	<u>1.052.628.962</u>	<u>58.129.869</u>
<b>20- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả : Không có</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

**V21- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu :****a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu Quý I năm 2020**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(249.133.828.468)	33.798.893.386
Tăng trong năm trước					-
- Tăng vốn trong năm nay					-
- Lãi năm 2019				29.273.101.738	29.273.101.738
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(219.860.726.730)	63.071.995.124
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(219.860.726.730)	63.071.995.124
-Lỗ Quý I				(15.626.419.709)	(15.626.419.709)
Số dư cuối ngày 31/03/2020	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(235.487.146.439)	47.445.575.415

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

**b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:**

	<u>Ngày 31/03/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
<i>Theo danh sách cổ đông chốt ngày 25/03/2019</i>		
- Vốn góp của Nhà nước 51% VDL	102.000.000.000	102.000.000.000
- Vốn góp của cổ đông Nguyễn Quang Dũng 5,17%	10.349.500.000	10.349.500.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 43,83 % VDL	87.650.500.000	87.650.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>200.000.000.000</u></b>	<b><u>200.000.000.000</u></b>

**c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :**

<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu ( nguồn vốn kinh doanh)</b>	<u>Ngày 31/03/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	-	-
	<b><u>200.000.000.000</u></b>	<b><u>200.000.000.000</u></b>

**d) Cổ phiếu**

	<u>Ngày 31/03/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành :	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP

**đ) Cổ tức****e) Các quỹ của doanh nghiệp :**

<b>- Quỹ đầu tư phát triển</b>	<u>Ngày 31/03/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
+ Số dư quỹ đầu năm	82.932.721.854	82.932.721.854
+ Tăng trong năm	-	-
+ Giảm trong năm	0	-
+ Số dư quỹ cuối năm	<b><u>82.932.721.854</u></b>	<b><u>82.932.721.854</u></b>

**23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****a) Ngoại tệ các loại**

	<u>Ngày 31/03/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	443.911,97	307.442,76

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

**VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐ KINH DOANH :**

	<u>Quý I Năm 2020</u>	<u>Quý I Năm 2019</u>
<b>24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV ( MS 01)</b>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	138.195.948.191	186.939.397.569
<i>Trong đó :</i>		
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển	103.803.964.789	139.998.991.015
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	34.391.983.402	46.940.406.554
<b>26- Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV(MS10)</b>	<u>138.195.948.191</u>	<u>186.939.397.569</u>
<b>27- Giá vốn hàng bán ( Mã số 11)</b>		
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển	105.299.861.686	117.741.494.730
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp	31.570.938.235	45.583.375.829
<b>Cộng</b>	<u>136.870.799.921</u>	<u>163.324.870.559</u>
<b>28- Doanh thu hoạt động tài chính ( Mã số 21)</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.709.631	11.083.361
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.200	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.742.084	38.444.573
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-
<b>Cộng</b>	<u>7.458.915</u>	<u>49.527.934</u>
<b>29- Chi phí tài chính ( Mã số 22)</b>		
- Chi phí lãi vay	5.671.237.109	4.624.294.552
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	94.086.811	45.485.243
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	4.884.855.914	102.538.941
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	-
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	-
- Chi phí tài chính khác	113.683	112.434
<b>Cộng</b>	<u>10.650.293.517</u>	<u>4.772.431.170</u>
<b>30- Thu nhập khác</b>		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	25.894.169.406
- Các khoản khác	695	-
<b>Cộng</b>	<u>695</u>	<u>25.894.169.406</u>
<b>31- Chi phí khác</b>		
- Phạt chậm nộp BHXH, BHYT, BH thất nghiệp	-	17.920
- Các khoản bị phạt	76.721	-
- Các khoản khác	76.923.000	70.070.000
<b>Cộng</b>	<u>76.999.721</u>	<u>70.087.920</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý I Năm 2020	Quý I Năm 2019
a) Chi phí bán hàng	1.564.601.903	3.383.154.848
Hoa hồng phí cho các tàu	1.564.601.903	3.383.154.848
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.667.132.448	5.997.800.561
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	415.251.489	439.089.108
Chi phí nhân công	3.213.794.061	4.160.785.927
Chi phí khấu hao tài sản cố định	101.896.335	102.339.983
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	6.000.000
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Chi phí hoàn nhập dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	759.291.381	1.156.897.568
Chi phí khác bằng tiền	171.899.182	132.687.975
<b>Cộng</b>	<b>6.231.734.351</b>	<b>9.380.955.409</b>

**33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố :**

	Quý I Năm 2020	Quý I Năm 2019
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.225.264.705	55.763.184.259
- Nhiên liệu	39.663.792.835	47.451.873.471
- Nguyên liệu, vật liệu	6.561.471.870	8.311.310.788
33.2- Chi phí nhân công	20.945.693.406	23.088.683.475
- Tiền lương	16.800.009.014	19.442.850.030
- BHXH	1.568.787.905	1.460.814.915
- Bảo hiểm y tế	181.004.782	175.974.132
- Bảo hiểm thất nghiệp	89.929.493	83.475.138
- Kinh phí công đoàn	355.281.212	166.945.260
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	1.950.681.000	1.758.624.000
33.3- Chi phí trích lập dự phòng	-	-
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.337.874.836	22.256.734.995
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.523.747.531	69.383.233.112
33.6- Chi phí khác bằng tiền	1.171.172.685	1.287.758.350
<b>Cộng</b>	<b>137.203.753.163</b>	<b>171.779.594.191</b>

**VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	Quý I Năm 2020	Quý I Năm 2019
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	2.020.000.000	2.050.000.000
- Tiền thu từ đi vay	2.020.000.000	2.050.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	1.120.000.000	26.000.000.000
- Tiền trả nợ gốc vay	1.120.000.000	26.000.000.000

**VIII- CÁC THÔNG TIN KHÁC****3) NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC ĐÊN LIÊN QUAN**

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý

Với Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam

- Cổ tức phải trả Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam

	Quý I Năm 2020	Quý I Năm 2019
- Phải thu của người mua Tổng cty Hàng hải VN	-	2.583.019.200
Phát sinh trong kỳ:	-	5.043.019.200
Đã thu trong kỳ	-	2.460.000.000
- Phải trả người bán Tổng cty Hàng hải VN	-	-
<b>THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC</b>	<b>727.076.028</b>	<b>668.624.854</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

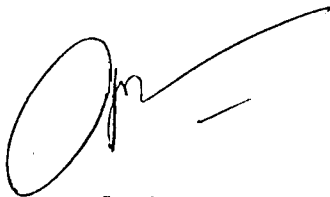
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động :


Các hoạt động	Quý I năm 2020	Năm 2020	Quý I năm 2019	Năm 2019
<b>Vận tải biển</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	103.803.964.789	103.803.964.789	139.998.991.015	139.998.991.015
- Chi phí	111.531.596.037	111.531.596.037	126.869.657.418	126.869.657.418
- Lợi nhuận	(7.727.631.248)	(7.727.631.248)	13.129.333.597	13.129.333.597
<b>Hoạt động dịch vụ</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	34.391.983.402	34.391.983.402	46.940.406.554	
- Chi phí	31.570.938.235	31.570.938.235	45.836.168.550	
- Lợi nhuận	2.821.045.167	2.821.045.167	1.104.238.004	-
<b>Hoạt động tài chính</b>				
- Doanh thu tài chính	7.458.915	7.458.915	49.527.934	49.527.934
- Chi phí tài chính	10.650.293.517	10.650.293.517	4.772.431.170	4.772.431.170
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(10.642.834.602)	(10.642.834.602)	(4.722.903.236)	(4.722.903.236)
<b>Hoạt động khác</b>				
- Thu nhập hoạt động khác	695	695	25.894.169.406	25.894.169.406
- Chi phí hoạt động khác	76.999.721	76.999.721	70.087.920	70.087.920
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	(76.999.026)	(76.999.026)	25.824.081.486	25.824.081.486

NGƯỜI LẬP

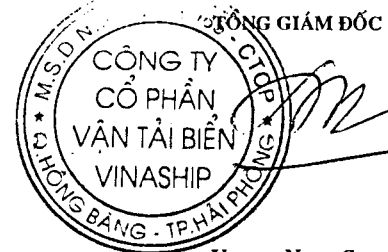


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



Vương Ngọc Sơn